

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CẨM NANG VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Bao gồm 56 câu hỏi liên quan đến:

- * THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN;**
- * THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP;**
- * THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC.**

THÁNG 10 NĂM 2017

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CẨM NANG VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Bao gồm 56 câu hỏi liên quan đến:

- * THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN;**
- * THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP;**
- * THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC.**

THÁNG 10 NĂM 2017

Phần I: THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Câu hỏi 1: Việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn được quy định tại những văn bản pháp luật nào?

Trả lời:

Những quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn được quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22, Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 2: Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về nguyên tắc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định, nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cấp xã như sau:

- Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Câu hỏi 3. Những hành vi nào bị nghiêm cấm theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn?

Trả lời:

Điều 4 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Không thực hiện hoặc làm trái các quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
- Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu hỏi 4: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai một số nội dung liên quan đến đời sống của người dân bằng hình thức niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân, trên hệ thống truyền thanh của xã và thông qua Trưởng ban nhân dân ấp – khu phố, Tổ trưởng– Tổ dân phố - ấp nhân

dân... để thông báo đến nhân dân. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật thì những nội dung nào phải được công khai?

Trả lời:

Điều 5 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định, những nội dung công khai gồm:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ áp, tổ nhân dân; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Như vậy, Nhà nước ta đã quy định rõ phải thực hiện công khai những nội dung thực sự cần thiết và ảnh hưởng trực tiếp tới người dân, nhằm phát huy dân chủ, thực hiện chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Câu hỏi 5: Những nội dung công khai để Nhân dân biết được thực hiện bằng các hình thức nào?

Trả lời:

Điều 6 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định các hình thức công khai sau đây:

- Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp xã;

- Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã;
- Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

Câu hỏi 6: Vừa qua, xã tôi có tổ chức họp đại diện các hộ gia đình theo địa bàn từng ấp để Nhân dân bàn và quyết định về chủ trương và mức đóng góp huy động toàn bộ từ các hộ dân để làm lại một số con đường liên ấp trong xã với kết quả là gần 50% đại diện hộ gia đình trong xã tán thành. Vậy, với kết quả trên thì chủ trương này của xã có giá trị thi hành không?

Trả lời:

Điều 12 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như sau:

- Những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

- Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

- Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

Như vậy, với kết quả gần 50% đại diện hộ gia đình trong xã tán thành thì chủ trương làm lại một số con đường liên thôn trong xã từ nguồn đóng góp trực tiếp của các hộ gia đình không có giá trị thi hành.

Câu hỏi 7. Ở địa phương nơi chúng tôi cư trú, Ủy ban nhân dân phường thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết trên Bảng tin tại trụ sở Ủy ban để người dân biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở phường. Đề nghị cho biết theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 những nội dung nào cần niêm yết và thời gian niêm yết những nội dung đó?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 7 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những nội dung quy định tại các Khoản 2, 3, 9 và 10 của Điều 5 Pháp lệnh phải được niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể:

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã (Khoản 2 Điều 5).

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân (Khoản 3 Điều 5).

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu (Khoản 9 Điều 5).

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện (Khoản 10 Điều 5).

Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết những nội dung nêu trên chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Thời gian niêm yết các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 9 Điều 5 của Pháp lệnh ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại Khoản 3 và Khoản 10 Điều 5 của Pháp lệnh được niêm yết thường xuyên.

Câu hỏi 8. Việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 8 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân như sau:

- Những nội dung quy định tại các Khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 và 11 Điều 5 của Pháp lệnh (xem câu 4) được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân.

- Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai những nội dung (quy định tại Khoản 1 Điều 8 của pháp lệnh nêu trên) chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là ba ngày liên tục.

Câu hỏi 9. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gì trong tổ chức thực hiện các nội dung công khai?

Trả lời:

Điều 9 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện các nội dung công khai như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, trong đó nêu rõ cách thức triển khai thực hiện, thời gian thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, phương án đã được thông qua.

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu hỏi 10. Tổ dân phố tôi chuẩn bị tổ chức họp cử tri để xin ý kiến người dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng nhà văn hóa do nhân dân đóng góp một phần kinh phí.

Xin hỏi, việc bàn và quyết định chủ trương trên có thuộc thẩm quyền quyết định của cử tri Tổ dân phố tôi hay không? Pháp luật quy định về hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như thế nào?

Trả lời:

Việc bàn và quyết định chủ trương trên là thuộc thẩm quyền quyết định của cử tri ông/bà.

Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định: Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, Điều 11 Pháp lệnh quy định như sau:

- Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh bằng một trong các hình thức sau đây:

+ Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

+ Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

- Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Câu hỏi 11. Xin hỏi, giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp được quy định như thế nào trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007?

Trả lời:

Điều 12 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về giá trị thi hành như sau:

Những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp (gồm: chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật), nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố

hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

Câu hỏi 12. Đề nghị cho biết, những nội dung, hình thức Nhân dân bàn, biểu quyết được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 13 và Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những nội dung, hình thức nhân dân bàn, biểu quyết như sau:

Những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết

- Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
- Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hình thức Nhân dân bàn, biểu quyết

- Nhân dân bàn và biểu quyết những nội dung nêu trên bằng một trong các hình thức sau đây:

- + Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

- + Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

- Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Câu hỏi 13. Giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn, biểu quyết được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn, biểu quyết như sau:

- Đối với hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) ra quyết định công nhận.

- Đối với việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

- Đối với việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận.

Câu hỏi 14. Tổ dân phố tôi vừa tổ chức họp toàn thể cử tri trong Tổ để bàn, biểu quyết thông qua hương ước của Tổ. Xin hỏi, sau cuộc họp này, cần phải thực hiện những thủ tục gì để hương ước của Tổ dân phố được công nhận?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 thì những thủ tục mà thôn ông/bà phải thực hiện để hương ước của Tổ dân phố được công nhận gồm:

- Trưởng Tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả việc nhân dân bàn, biểu quyết;

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng Tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu hỏi 15. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định việc công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổ Trưởng tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định việc công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Người chủ trì cuộc họp thôn, tổ dân phố có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

- Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu hỏi 16. Xin cho biết việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như thế nào theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như sau:

- Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu hỏi 17. Để các quy định của pháp luật về những nội dung Nhân dân bàn và quyết định có hiệu lực và được thực hiện có hiệu quả, xin hỏi Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện những nội dung này như thế nào?

Trả lời:

Điều 17 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện; chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định; tổ chức triển khai thực hiện những nội dung đã được nhân dân quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu hỏi 18. Xin hỏi, theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm gì trong việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định?

Trả lời:

Điều 18 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong việc tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định như sau:

- Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân thực hiện những nội dung quy định tại Điều 10, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh.

- Lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố.

- Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức thực hiện những công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố đã được Nhân dân quyết định.

Câu hỏi 19. Xin hỏi Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã có phải là một trong các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định không? Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung nào được Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007, Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã là một trong các nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Ngoài ra tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 còn quy định các nội dung khác mà Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, gồm:

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Câu hỏi 20. Đề nghị cho biết Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những hình thức nào để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

Trả lời:

Điều 20 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định các hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, gồm:

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Thông qua hòm thư góp ý.

Câu hỏi 21. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm gì để tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

Trả lời:

Điều 21 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về trách nhiệm của chính quyền cấp xã về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với Nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp chính quyền cấp xã quyết định các nội dung mà Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu hỏi 22. Xin hỏi, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định cơ quan có thẩm quyền cấp trên có trách nhiệm gì đối với việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân cấp xã tham gia ý kiến?

Trả lời:

Điều 22 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp trên đối với việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân cấp xã tham gia ý kiến như sau:

- Lấy ý kiến Nhân dân trước khi quyết định về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân trên địa bàn cấp xã.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn cấp xã.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

- Tiếp thu ý kiến Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh (nội dung xem ở câu 14) khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Câu hỏi 23. Chúng tôi được biết, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định nhân dân được giám sát việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Xin hỏi, những nội dung nào nhân dân được giám sát và hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 23 và Điều 24 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định về những nội dung Nhân dân được giám sát và hình thức để thực hiện việc giám sát của Nhân dân như sau:

- Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các Điều 5, 10, 13, 19 của Pháp lệnh (xem câu 3, câu 7, câu 9, câu 14).

- Các hình thức để thực hiện việc giám sát của Nhân dân gồm:

+ Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

+ Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 24. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gì trong việc thực hiện giám sát của Nhân dân?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 25 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 thì trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có các trách nhiệm sau đây:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

- Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 25. Tôi được biết, định kỳ hai năm một lần, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tôi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Nhân dân đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân. Xin hỏi, là người dân, tôi có được tham gia lấy phiếu tín nhiệm đó không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

Đối chiếu với quy định trên thì ông/bà không thuộc thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Câu hỏi 26: Thời hạn lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại Điều 20 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN thì việc lấy phiếu tín nhiệm lần đầu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện sau hai năm, kể từ ngày các chức danh này được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu; việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lần thứ hai trong nhiệm kỳ đó được tiến hành sau hai năm kế tiếp, kể từ ngày lấy phiếu tín nhiệm lần đầu.

Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu bổ sung trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, nếu thời gian giữ chức vụ trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã chưa đủ hai năm thì không tiến hành lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ này.

Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu trong hai nhiệm kỳ liên tiếp, việc lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ thứ hai được thực hiện sau hai năm, kể từ ngày được bầu trong nhiệm kỳ thứ hai.

Câu hỏi 27: Kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng

cấp cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm.

Việc lập, sử dụng, quyết toán kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Phần II. THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Câu hỏi 28: Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại văn bản pháp luật nào? Được thay thế bằng các Nghị định nào trước đây? Có hiệu lực thi hành từ thời gian nào?

Trả lời:

Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm 4 chương, 18 điều thay thế Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08-9-1998 của Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2015 và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2016.

Câu hỏi 29: Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Điều 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định mục đích thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm:

- Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước.

- Phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

Câu hỏi 30: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gì trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?

Trả lời:

Điều 4 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị như sau:

- Thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách

đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của cơ quan, đơn vị. Cuối năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan, đơn vị tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015.

- Tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 45 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và Điều 37 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức. Khi cán bộ, công chức, viên chức đăng ký được gặp và có nội dung, lý do cụ thể thì bố trí thời gian thích hợp để gặp và trao đổi.

- Thông báo công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết những việc được quy định tại Điều 7 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015.

- Ban hành quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; sử dụng tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện các quy định về công khai tài chính. Việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản của cơ quan, đơn vị phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 7, Điều 9 của Nghị định này, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

- Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và người có hành vi trả thù, trù dập cán bộ, công chức, viên chức khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 31: Hội nghị cán bộ công chức hàng năm tại cơ quan đơn vị do ai chủ trì tổ chức và tổ chức vào thời điểm nào

Trả lời:

Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định về tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Công đoàn cơ quan,

đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mỗi năm một lần vào cuối năm. Khi có một phần ba cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị yêu cầu hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết thì triệu tập hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, của cơ quan, đơn vị bất thường. Thành phần dự hội nghị bao gồm toàn thể hoặc đại biểu cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Nội dung của hội nghị gồm:

+ Kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác hàng năm; thảo luận, bàn biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan, đơn vị;

+ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị lắng nghe ý kiến đóng góp, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức; giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức;

+ Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tổ chức công đoàn;

+ Bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị;

+ Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị báo cáo công tác; bầu Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật;

+ Khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác.

Câu hỏi 32: Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức như sau:

- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người phụ trách trực tiếp và trước người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị về việc thi hành nhiệm vụ của mình. Trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức được trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp có thẩm quyền. Đối với viên chức được quyền từ chối thực hiện

công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật, được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện phê bình và tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, có giải pháp sửa chữa khuyết điểm; thẳng thắn đóng góp ý kiến để xây dựng nội bộ cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, đề án của cơ quan, đơn vị khi được yêu cầu.

- Báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 33: Những việc gì phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết?

Trả lời:

Điều 7 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết bao gồm:

- Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

- Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị.

- Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.

- Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị.

- Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 34: Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến?

Trả lời:

Điều 9 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến bao gồm:

- Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.
- Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
- Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.
- Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.
- Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.
- Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.
- Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.
- Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 35: Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra?

Trả lời:

Điều 11 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định về việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra như sau:

- Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
- Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan, đơn vị.
- Thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.
- Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 36: Mối quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên như sau:

- Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị cơ quan, đơn vị cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị cấp trên.

- Tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp trên; có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị cấp trên yêu cầu.

- Báo cáo cơ quan, đơn vị cấp trên tình hình công tác của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết thì phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan, đơn vị cấp trên. Nội dung báo cáo lên cơ quan, đơn vị cấp trên phải khách quan, trung thực.

Câu hỏi 37: Mỗi quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 16 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 quy định quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới như sau:

- Thông báo cho cơ quan, đơn vị cấp dưới những chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị cấp dưới; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp dưới và chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị cấp dưới nếu những hành vi vi phạm này có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình.

- Nghiên cứu, kịp thời giải quyết các kiến nghị của cơ quan, đơn vị cấp dưới; định kỳ làm việc với người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới. Khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới đăng ký làm việc thì phải trả lời cụ thể việc tiếp và làm việc.

- Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức, viên chức đến cơ quan, đơn vị cấp dưới để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ quan, đơn vị cấp dưới; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức, viên chức báo cáo, phản ánh sai sự thật, không trung thực.

Câu hỏi 38: Nguyên tắc tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định nguyên tắc tổ chức hội nghị về thực hiện dân chủ như sau:

- Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là hội nghị) là hình thức dân chủ trực tiếp để cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Hội nghị được tổ chức dân chủ, thiết thực, bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

- Hội nghị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất 2/3 cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hoặc ít nhất 2/3 đại biểu được triệu tập có mặt dự hội nghị. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được thông qua khi có trên 50% số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật.

Câu hỏi 39: Thành phần tham dự hội nghị gồm những ai, đại biểu nào là đại biểu đương nhiên và đại biểu được bầu tham dự hội nghị bằng hình thức nào?

Trả lời:

Điều 4, Điều 5 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định thành phần đại biểu đương nhiên và bầu đại biểu tham dự hội nghị bao gồm:

- Thành phần tham dự hội nghị

+ Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức từ 200 người trở xuống: Toàn thể cán bộ, công chức, viên chức tham dự hội nghị.

+ Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên 200 người; hoặc có từ 200 người trở xuống nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức hoặc đại biểu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này cho phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị.

+ Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, khi tổ chức hội nghị có thể mời người đứng đầu và đại diện Ban chấp hành công đoàn của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp cục, tổng cục và tương đương nếu cần thiết.

- Đại biểu đương nhiên và bầu đại biểu tham dự hội nghị

+ Đại biểu đương nhiên là đại diện của cấp tổ chức hội nghị, gồm: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh (nếu có), Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Trưởng ban nữ công hoặc cán bộ phụ trách ban nữ công.

+ Việc bầu đại biểu tham dự hội nghị được tiến hành tại hội nghị của các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị thông qua hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định theo đa số. Người trúng cử phải được trên 50% tổng số người dự hội nghị bầu và lấy theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số đại biểu được phân bổ.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị thống nhất, quyết định số lượng đại biểu tham dự hội nghị bảo đảm số lượng tối thiểu như sau:

+ Cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên 200 đến đủ 300 người; hoặc có từ 200 người trở xuống nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc: Bầu ít nhất 1/3 cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị là đại biểu tham dự hội nghị.

+ Cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên 300 người: Ngoài số đại biểu tối thiểu phải bầu tại Điểm a Khoản 3 Điều này, cứ 10 người thì bầu thêm ít nhất 01 đại biểu (tính từ người thứ 301 trở đi).

Câu hỏi 40: Công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 6 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị như sau:

Họp trừ bị

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị triệu tập họp trừ bị để thống nhất chủ trương, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nội dung hội nghị; dự kiến thời gian tổ chức hội nghị; dự kiến số lượng đại biểu triệu tập và phân bổ cho từng đơn vị bảo đảm cơ cấu, thành phần công bằng, hợp lý nếu là hội nghị triệu tập đại biểu.

Thành phần dự họp là đại diện của cấp tổ chức hội nghị, gồm: Người đứng đầu, Bí thư cấp ủy, Chủ tịch công đoàn, thủ trưởng một số đơn vị có liên quan.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chuẩn bị các văn bản, báo cáo sau:

Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác năm.

- Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị chuẩn bị văn bản, báo cáo sau:

Báo cáo tổng kết phong trào thi đua; nội dung xét khen thưởng và dự kiến nội dung phong trào thi đua năm tiếp theo; dự thảo bản giao ước thi đua; báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chương trình công tác, hoạt động của thanh tra nhân dân năm tiếp theo; dự kiến nhân sự bầu hoặc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Ngoài các văn bản, báo cáo nêu tại Điểm b, c Khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định các nội dung công khai tại hội nghị hoặc những nội dung lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức tại hội nghị theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

Tổ chức lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và triệu tập hội nghị

- Nội dung lấy ý kiến: Dự kiến số lượng đại biểu triệu tập và phân bổ cho các đơn vị, thời gian tổ chức hội nghị và dự thảo các văn bản, báo cáo nêu tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này.

- Thành phần lấy ý kiến là đại diện của cấp tổ chức hội nghị, gồm: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, Ban thường vụ công đoàn (hoặc Ban chấp hành công đoàn nếu không có Ban thường vụ công đoàn), Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (nếu có), Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công hoặc cán bộ phụ trách ban nữ công, người đứng đầu các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổng hợp, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo các văn bản, báo cáo để lấy ý

kiến tại hội nghị của các đơn vị theo quy định tại Khoản 3 Điều này; quyết định triệu tập hội nghị.

Tiến hành hội nghị tại các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị

- Người đứng đầu các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Chủ tịch công đoàn cùng cấp tổ chức hội nghị tại đơn vị mình để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm, phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo; việc triển khai những quy định về thực hiện dân chủ tại đơn vị; thảo luận, cho ý kiến đối với dự thảo các văn bản, báo cáo được gửi xin ý kiến; bầu đại biểu dự hội nghị của cơ quan, đơn vị; bình xét khen thưởng; kiến nghị, đề xuất.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, công đoàn cơ quan, đơn vị căn cứ kết quả hội nghị tại Khoản 3 Điều này để tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh các văn bản, báo cáo đưa ra hội nghị của cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 41: Công tác tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 7 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định công tác tổ chức hội nghị như sau:

Đoàn chủ tịch và thư ký hội nghị

- Đoàn chủ tịch gồm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị. Tùy theo tính chất, yêu cầu cần thiết mà Đoàn chủ tịch có Bí thư cấp ủy cơ quan, đơn vị.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị đang trong thời gian thi hành kỷ luật hình thức từ khiển trách trở lên, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc Ban thường vụ công đoàn cơ quan, đơn vị (hoặc Ban chấp hành công đoàn nếu không có Ban thường vụ công đoàn) cử đại diện tham gia Đoàn chủ tịch.

- Thư ký hội nghị do Đoàn chủ tịch cử và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Nội dung hội nghị

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị trình bày các văn bản, báo cáo theo phân công tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

- Cán bộ, công chức, viên chức dự hội nghị thảo luận các văn bản, báo cáo; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

- Người đứng đầu, Chủ tịch công đoàn giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

- Trưởng ban Thanh tra nhân dân trình bày báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm và chương trình công tác năm tiếp theo.

- Bầu mới hoặc kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân (nếu có).

- Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có).

- Tổ chức khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác; phát động phong trào thi đua.

- Ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tổ chức công đoàn.

- Thông qua nghị quyết hội nghị.

Kinh phí tổ chức hội nghị được bố trí từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 42: Việc tổ chức thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 8 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định tổ chức thực hiện nghị quyết hội nghị như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết hội nghị; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng một lần, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

Câu hỏi 43: Việc tổ chức hội nghị bất thường hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được diễn ra như thế nào?

Trả lời:

Điều 9 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 quy định việc tổ chức hội nghị bất thường như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định triệu tập hội nghị bất thường chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tổ chức hội nghị bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

- Thành phần tham dự hội nghị bất thường gồm cán bộ, công chức, viên chức đã dự hội nghị thường kỳ năm trước liền kề có mặt tại thời điểm tổ chức hội nghị bất thường và thành phần khác do người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định.

- Hội nghị bất thường thảo luận, quyết định những vấn đề do tập thể, cá nhân yêu cầu, đề xuất. Việc chuẩn bị, tổ chức hội nghị và thực hiện nghị quyết hội nghị thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này phù hợp với vấn đề cần giải quyết.

Câu hỏi 44: Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 11 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 về việc Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị bao gồm:

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình; định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 12 Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016.

Phần III: THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC

Câu hỏi 45: Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được quy định tại văn bản pháp luật nào? Được thay thế bằng các Nghị định nào trước đây? Có hiệu lực thi hành từ thời gian nào?

Trả lời:

Nghị định 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 Bộ luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc thay thế cho Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13/2/1999 của Chính phủ ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp Nhà nước và Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013.

Câu hỏi 46: Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc phải đảm bảo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Điều 4 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc phải đảm bảo như sau:

- Người sử dụng lao động phải tôn trọng, bảo đảm các quyền dân chủ của người lao động tại nơi làm việc; quyền dân chủ được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật thông qua quy chế dân chủ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp phải xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và Nhà nước.

Câu hỏi 47: Những hành vi nào bị cấm khi thực hiện dân chủ tại nơi làm việc?

Trả lời:

Điều 5 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định những hành vi cấm khi thực hiện dân chủ tại nơi làm việc gồm:

- Thực hiện trái các quy định của pháp luật.

- Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước.

- Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động.

- Trù dập, phân biệt đối xử với người tham gia đối thoại, người khiếu nại, tố cáo.

Câu hỏi 48: Những nội dung nào người sử dụng lao động phải công khai cho người lao động được biết?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định 08 nội dung người sử dụng lao động phải công khai gồm:

- Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

- Nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp, bao gồm: nội quy lao động; quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động; định mức lao động; thang, bảng lương, quy chế nâng bậc lương, quy chế trả lương, trả thưởng; trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ; thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

- Tình hình thực hiện các chế độ, chính sách tuyển dụng, sử dụng lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, tiền lương, tiền thưởng, khấu trừ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho người lao động.

- Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, hình thức thỏa ước lao động tập thể khác (nếu có).

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

- Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Công khai tài chính hàng năm của doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến người lao động.

- Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 49: Người lao động có quyền tham gia ý kiến những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 7 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định các nội dung người lao động có quyền tham gia ý kiến gồm:

- Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế, quy định phải công khai tại doanh nghiệp.

- Các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, hình thức thỏa ước lao động tập thể khác (nếu có).

- Nghị quyết hội nghị người lao động.

- Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

- Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 50: Người lao động có quyền quyết định những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 8 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định người lao động có quyền quyết định các nội dung sau:

- Giao kết hợp đồng lao động, thực hiện hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

- Nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, hình thức thỏa ước lao động tập thể khác (nếu có).

- Thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.

- Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hoặc không tham gia đình công.

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 51: Người lao động có quyền kiểm tra, giám sát những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 9 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định người lao động có quyền kiểm tra, giám sát các nội dung sau:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

- Thực hiện hợp đồng lao động và các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nội quy, quy chế, quy định phải công khai của doanh nghiệp.

- Thực hiện thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, hình thức thỏa ước lao động tập thể khác (nếu có); thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động, nghị quyết hội nghị tổ chức công đoàn cơ sở.

- Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp; trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tình hình thi đua, khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết luận của thanh tra, kiểm toán và thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động.

- Thực hiện điều lệ doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nội dung của quy chế dân chủ quy định tại Nghị định này.

Câu hỏi 52: Trách nhiệm tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 10 Nghị định số 60/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc như sau:

Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc do người sử dụng lao động chủ trì, phối hợp với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở thực hiện 03 tháng một lần để trao đổi, thảo luận các nội dung quy định tại Điều 64 Bộ luật lao động (*Điều 64. Nội dung đối thoại tại nơi làm việc: Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động; Việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế và cam kết, thỏa thuận khác tại nơi làm việc; Điều kiện làm việc; Yêu cầu của người lao động, tập thể lao động đối với người sử dụng lao động; Yêu cầu của người sử dụng lao động với người lao động, tập thể lao động; Nội dung khác mà hai bên quan tâm*); khoảng cách giữa hai lần đối thoại định kỳ liên kế tối đa không quá 90 ngày. Trường hợp thời gian tổ chức đối thoại định kỳ trùng với thời gian tổ chức hội nghị người lao động quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 60/2013/NĐ-CP thì doanh nghiệp không phải tổ chức đối thoại định kỳ.

Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 60/2013/NĐ-CP quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- Ban hành quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và phổ biến công khai đến từng người lao động trong doanh nghiệp để thực hiện;

- Bố trí địa điểm, thời gian và các điều kiện vật chất cần thiết khác bảo đảm cho đối thoại;

- Cử thành viên đại diện cho bên người sử dụng lao động tham gia đối thoại;

- Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

Câu hỏi 53: Ngoài đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, người lao động hay người sử dụng lao động có thể yêu cầu tổ chức đối thoại khi có vấn đề đột xuất xảy ra không?

Trả lời:

Điều 13 Nghị định 60/2013/NĐ-CP quy định:

- Trường hợp một bên có yêu cầu tổ chức đối thoại thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung yêu cầu đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm chủ trì phối hợp với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở tổ chức đối thoại.

- Số lượng, thành phần tham gia đối thoại và trách nhiệm của các bên trong tổ chức đối thoại được thực hiện tương tự như đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

Câu hỏi 54: Trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Nghị định 60/2013/NĐ-CP quy định về trách nhiệm tổ chức hội

nghị người lao động như sau:

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng quy chế tổ chức hội nghị người lao động, bố trí địa điểm, thời gian, các điều kiện vật chất cần thiết và tổ chức hội nghị người lao động. Quy chế tổ chức hội nghị người lao động được ban hành sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và phải được phổ biến công khai đến người lao động trong doanh nghiệp.

- Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở có trách nhiệm phối hợp với người sử dụng lao động tham gia xây dựng và thực hiện quy chế tổ chức hội nghị người lao động.

Câu hỏi 55: Hội nghị người lao động thảo luận về những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 18 Nghị định 60/2013/NĐ-CP quy định về Nội dung hội nghị người lao động như sau:

- Hội nghị người lao động thảo luận các nội dung sau:

+ Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và những nội dung trực tiếp liên quan đến việc làm của người lao động, lợi ích của doanh nghiệp;

+ Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, các quy định, quy chế của doanh nghiệp;

+ Tình hình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Điều kiện làm việc và các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc;

+ Kiến nghị, đề xuất của mỗi bên;

+ Các nội dung khác mà hai bên quan tâm.

- Bầu thành viên đại diện cho tập thể lao động tham gia đối thoại định kỳ.

- Thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.

Câu hỏi 56: Ngoài hình thức đối thoại tại nơi làm việc và hội nghị người lao động thì còn có các hình thức thực hiện dân chủ nào khác không?

Trả lời:

Điều 21 Nghị định 60/2013/NĐ-CP quy định về các hình thức thực hiện dân chủ khác như sau:

- Cung cấp và trao đổi thông tin tại các cuộc họp lãnh đạo chủ chốt hoặc tại các cuộc họp từ tổ, đội đến toàn doanh nghiệp hoặc tại các cuộc họp chuyên môn của các phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

- Niêm yết công khai ở những địa điểm thuận lợi tại doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin qua hệ thống truyền thanh, thông tin nội bộ, mạng internet hoặc bằng văn bản, các ấn phẩm sách, báo gửi đến từng người lao động, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

- Hòm thư góp ý kiến.

- Tổ chức lấy ý kiến trực tiếp người lao động, do người sử dụng lao động, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp thực hiện.

- Tự quyết định bằng văn bản.

- Biểu quyết tại các cuộc họp, hội nghị trong doanh nghiệp.

- Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm biên soạn

NGUYỄN VĂN VŨ

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Biên tập và sửa chữa nắn:

TRẦN VIỆT THÁI

**TRƯỞNG PHÒNG
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT – SỞ TƯ PHÁP
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG PHPBGDPL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2017